

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 573/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27.6.2019

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đông Thiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Hòa
2. Bà Hoàng Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q: Ông Nguyễn Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 1244/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXX-ST **ngày 27 tháng 5 năm 2019** giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T - SN: 1985

Địa chỉ : 306/19/10 đường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Bị đơn : Anh Phạm Văn Q - SN: 1986

Địa chỉ : 306/19/10 đường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

(Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01.11.2018 và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q tự nguyện tìm hiểu, thời gian khoảng 4 năm sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 25.5.2011. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q ham chơi, cờ bạc, rượu chè sa đả, có bệnh nghiện rượu, không lo gia đình. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không thành, chị T đã nộp đơn ly hôn ra Tòa vào các năm 2015, 2017 nhưng rút đơn để anh Q sửa đổi tuy nhiên anh Q không sửa đổi, nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung nặng nề, chị xin ly hôn anh Q.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 1 con chung cháu Phạm Trần Quỳnh A sinh ngày 16.11.2012, sức khỏe cháu bình thường; ly hôn chị xin nuôi cháu A, yêu cầu anh Q cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng, tính từ tháng 6.2019.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Tại bản khai và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa phía bị đơn anh Phạm Văn Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất thời gian và điều kiện kết hôn như chị T khai báo. Về mâu thuẫn theo anh do mâu thuẫn về kinh tế, chị T nghe lời bạn bè đòi ly hôn; Tại phiên Tòa, anh thừa nhận do từ năm 2015 cho đến nay anh bị nghiện rượu nặng; nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Về quan hệ con chung: Anh thống nhất có 1 con chung như chị T khai báo, ly hôn anh xin nuôi cháu A, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Tại phiên Tòa, anh Q đồng ý khi ly hôn giao con chung là cháu Quỳnh A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng, tính từ tháng 6.2019

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến đại diện VKSND thành phố Q tham dự phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định. Tuy nhiên còn vi phạm tại điểm a, khoản 1 Điều 203 BLTTDS

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T về việc xin ly hôn anh Phạm Văn Q, về nuôi con chung giao cháu Phạm Trần Quỳnh A sinh ngày 16.11.2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng; tài sản chung không giải quyết; án phí chị T và anh Q phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T xin ly hôn anh Q, còn anh Q không đồng ý ly hôn; do hai bên không thống nhất nên Tòa phải đưa ra xét xử công khai

Tòa xét:

Chị T và anh Q có thời gian tìm hiểu 4 năm sau đó đi đến kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 25.5.2011. Sau ngày cưới, vợ chồng về thành phố Q sinh sống lập nghiệp, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh Q ham chơi, cờ bạc, rượu chè sa đà, có bệnh nghiện rượu, không lo gia đình mặc dù gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Là vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, tin tưởng, gần gũi, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh Q nghiện rượu nặng, khi say đánh đập vợ con. Mặt khác, anh Q đã được Tòa hòa giải cho thời gian dài để anh Q sửa đổi nhưng anh Q vẫn chứng nào tật ấy không thay đổi, điều đó chứng tỏ anh Q không có thiện chí để xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy nghĩa vụ giữa vợ chồng anh chị đã vi phạm nghiêm trọng làm cho hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng thống nhất có một con chung cháu Phạm Trần Quỳnh A sinh ngày 16.11.2012, sức khỏe cháu bình thường. Ly hôn, chị T và anh Q ai cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu A;

Tại phiên Tòa chị T và anh Q thống nhất khi ly hôn giao cháu Quỳnh A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, đây là ý chí tự nguyện của hai bên đương sự, sự tự nguyện này không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật nên HĐXX chấp thuận

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa chị T và anh Q thống nhất anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng để nuôi cháu A, tính từ tháng 6.2019 cho đến khi cháu Quỳnh A tròn 18 tuổi, đây là ý chí tự nguyện của hai bên đương sự, sự tự nguyện này không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật nên HĐXX chấp thuận

[4] Về quan hệ tài sản chung: chị T và anh Q thống nhất không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

- Ý kiến của đại diện VKSND thành phố Q tham dự phiên tòa về nội dung phù hợp theo hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh Q phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị T ly hôn anh Phạm Văn Q.

2. Về quan hệ con chung:

Chị Trần Thị T và anh Phạm Văn Q thống nhất có một con chung cháu Phạm Trần Quỳnh A sinh ngày 16.11.2012, sức khỏe cháu bình thường;

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Văn Q về việc giao con chung cháu Phạm Trần Quỳnh A sinh ngày 16.11.2012 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con:

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Văn Q về việc anh Phạm Văn Q phải đóng góp nuôi con với chị Trần Thị T số tiền 1.500.000đ/tháng (một triệu năm trăm ngàn đồng một tháng) tính từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi cháu Phạm Trần Quỳnh A thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí:

- Về án phí HNGĐ-ST: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số **0000716** ngày **11.12.2018** tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Chị T đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn Q phải chịu 300.000đ

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; riêng các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại ủy ban nhân dân phường sở tại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự.
- VKSND Tp. Q
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

Trần Đông Thiên